TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2026/HNGĐ-ST.
Ngày 06/8/2026.
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Kiên.

Ông Lâm Nguyễn Duy Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Thanh Huấn – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 234/2026/TLST-HNGĐ, ngày 18/5/2026, về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2026/QĐXXST-HN, ngày 06/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 280/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 22/7/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vương Đức P, sinh ngày 18/10/1990. Có mặt.

Địa chỉ: Số B, B, khu phố B, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Chị Ngô Thanh N, sinh ngày 10/9/1997. Vắng mặt lần thứ 2, không có lý do.

Địa chỉ: Ấp M, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Vương Đức P trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh và chị N xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 18/10/2019 tại UBND phường P, Quận A (nay là phường B), thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân, anh và chị N có quen khoảng 04 tháng, có làm lễ cưới theo phong tục tập quán. Nữ trang ngày cưới

chị N giữ hết, hiện còn hay đã bán thì anh không rõ, anh không có tranh chấp, không có khởi kiện về số nữ trang này.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau ngày cưới chị N về làm dâu sống bên chồng, sống đến tháng 3 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng về lối sống, ứng xử giao tiếp và tình cảm, bạn (nữ) của N đến nhà chơi, chị N rũ bạn đi uống rượu, sau đó không về nhà nghỉ mà thuê khách sạn 02 người cùng nghỉ, sáng hôm sau chị N tự ý lấy đồ bỏ đi khỏi nhà không nói gì với anh, anh điện thoại báo mẹ vợ biết, nhưng thật ra chị N không về nhà mà đi đâu không rõ, hơn 15 ngày sau mới về nhà mẹ ruột, anh đến gặp mẹ vợ để tìm chị N nhưng chị N không có ở nhà, đi đâu không rõ, sự việc kéo dài đến tết năm 2021 anh về nhà mẹ vợ thì gặp chị N, lúc này chị N dùng lời nói xúc phạm, chửi anh rồi bỏ đi cho đến nay, không liên lạc, mạnh ai nấy sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay, tình cảm không còn. Nay anh yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ngô Thanh N.

- *Về con chung:* Không có.

- *Về cấp dưỡng, tài sản chung của vợ chồng, số nợ phải thu, số nợ phải trả:* Anh không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ 2, bị đơn chị Ngô Thanh N vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên.

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Vương Đức P, xử cho anh P được ly hôn với chị Ngô Thanh N, về con chung không có. Về cấp dưỡng, tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, số nợ phải trả do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không giải quyết. Buộc anh Vương Đức P nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị Ngô Thanh N là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa xét xử lần thứ 2, chị N vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy anh Vương Đức P khởi kiện yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ngô Thanh N, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy anh P và chị N xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 18/10/2019 tại UBND phường P, Quận A (nay là phường B), thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

Anh Vương Đức P khai: Sau ngày cưới chị N về làm dâu sống bên chồng, sống đến tháng 3 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng về lối sống, ứng xử giao tiếp và tình cảm, bạn (nữ) của N đến nhà chơi, chị N rũ bạn đi uống rượu, sau đó không về nhà nghỉ mà thuê khách sạn 02 người cùng nghỉ, sáng hôm sau chị N tự ý lấy đồ bỏ đi khỏi nhà không nói gì với anh, anh điện thoại báo mẹ vợ biết, nhưng thật ra chị N không về nhà mà đi đâu không rõ, hơn 15 ngày sau mới về nhà mẹ ruột, anh đến gặp mẹ vợ để tìm chị N nhưng chị N không có ở nhà, đi đâu không rõ, sự việc kéo dài đến tết năm 2021 anh về nhà mẹ vợ thì gặp chị N, lúc này chị N dùng lời nói xúc phạm, chửi anh rồi bỏ đi cho đến nay, không liên lạc, mạnh ai nấy sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay, tình cảm không còn. Nay anh yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ngô Thanh N.

- *Đối với chị Ngô Thanh N*: Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Hồ Thị Thanh T (mẹ ruột chị N) nhận thay và cam kết giao lại cho chị N để chị N tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải chị N đều vắng mặt không có lý do nên phiên hòa giải đoàn tụ không tiến hành được.

Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định về tình nghĩa vợ chồng " *1. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình ...*". Xét thấy mâu thuẫn giữa anh P và chị N xảy ra từ tháng 3 năm 2020 kéo dài đến nay, anh chị đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, trong thời gian này anh chị không gặp mặt để tự hòa giải hàn gắn đoàn tụ vợ chồng, vẫn sống ly thân, tại phiên tòa anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết xin được ly hôn với chị N. Quá trình tố tụng giải quyết vụ án chị N không cung cấp bản tự khai, lời trình bày cho Tòa án biết về hôn nhân mà anh P đang yêu cầu giải quyết, điều đó đã chứng minh chị N đã từ bỏ quyền nghĩa vụ của mình, không tham gia tố tụng giải quyết vụ án. Mặt khác anh P và chị N sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 tính đến nay là 06 năm 04 tháng, là khoảng thời gian rất dài, mâu thuẫn tiếp tục phát sinh, từ đó cho thấy việc hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng giữa anh P và chị N là không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh P và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh P, xử cho anh P được ly hôn với chị N là đúng quy định của pháp luật.

- *Về con chung:* Anh P và chị N chung sống không có sinh con.

- *Về cấp dưỡng, tài sản chung của vợ chồng, số nợ phải thu, số nợ phải trả:* Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân: Buộc anh Vương Đức P có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng.

[5]. Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 228, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Vương Đức P.

- *Về hôn nhân:* Anh Vương Đức P được ly hôn với chị Ngô Thanh N.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc anh Vương Đức P nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0009033, ngày 13/5/2026 do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu. Anh Vương Đức P đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

- Anh Vương Đức P có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Chị Ngô Thanh N vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh VL;
- VKSND khu vực 11 – Vĩnh Long;
- UBND phường Bến Thành, TP-HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.